ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

KHU DÂN CƯ MỚI HAI BÊN ĐƯỜNG LÊ HOÀN XÃ XUÂN LAI - HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

N
W E
S
TỶ LỆ XÍCH
0 10M 20M
5M 15M 25M

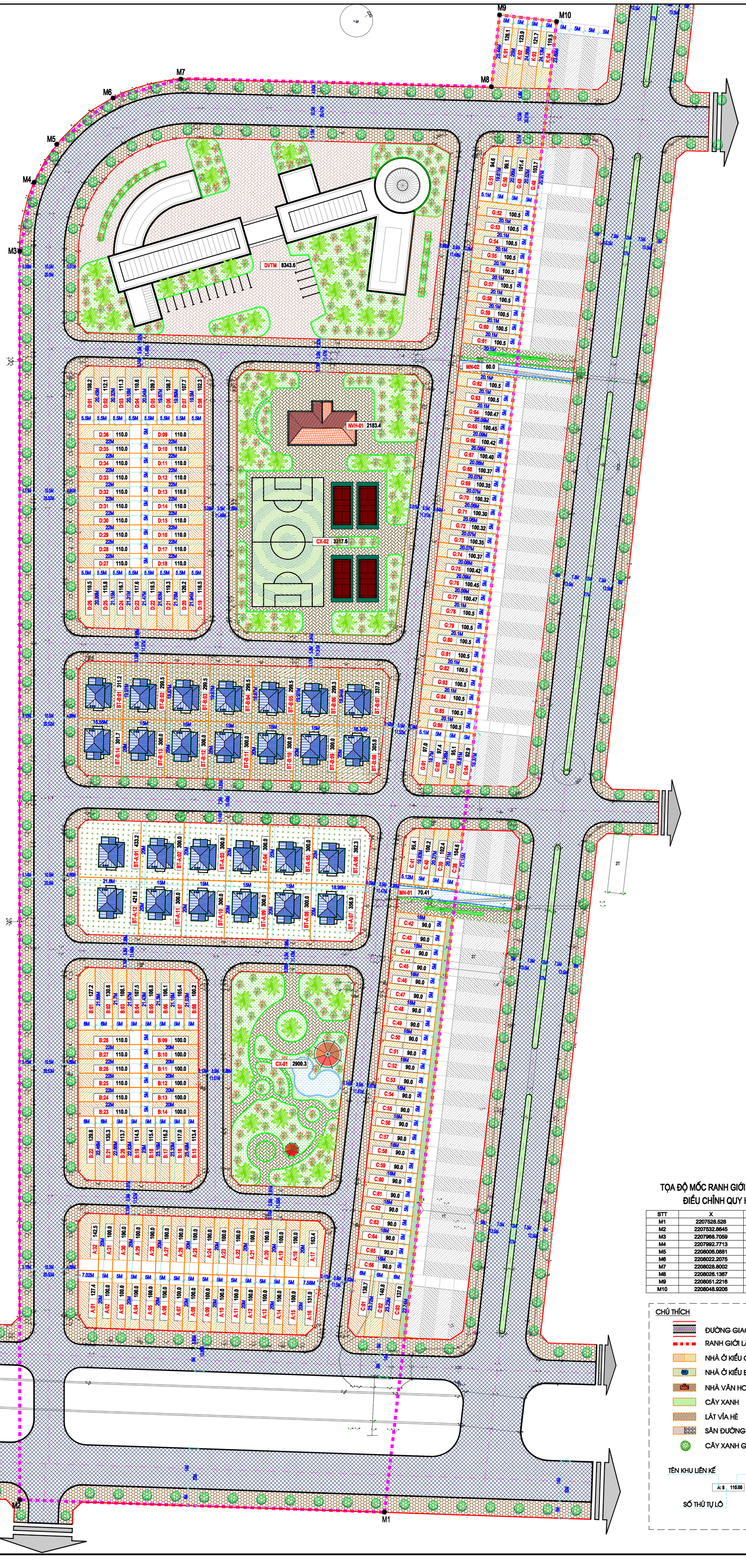

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Ký hiệu	Kích thước (m)	Diện tích (m2)	Số lô	Tổng (m2)	Tầng cao (Tầng)	Mật độ (%)	Hệ số SDD	Tỷ lệ (%)
I	**Đất ở kiểu chia lô**			**175,0**	**18335,6**	**2-:-5**	**77-:-100**	**1.54-:-5.0**	**23,70**
1	**Đất ở kiểu chia lô A**			**32,0**	**3364,3**	**2-:-5**	**77-:-90**	**1.54-:-4.50**	**4,35**
	A-1		127,40	1,0	127,40	2-:-5	84,5		
	A-2 -:- A-15	5x20	100,00	14,0	1400,00	2-:-5	90,0		
	A-16		131,00	1,0	131,00	2-:-5	83,8		
	A-17		163,40	1,0	163,40	2-:-5	77,3		
	A-18 -:- A-31	5x20	100,00	14,0	1400,00	2-:-5	90,0		
	A-32		142,50	1,0	142,50	2-:-5	81,5		
2	**Đất ở kiểu chia lô B**			**28,0**	**3107,2**	**2-:-5**	**84-:-90**	**1.68-:-4.50**	**4,02**
	B-1		127,20	1,0	127,20	2-:-5	84,6		
	B-2		130,60	1,0	130,60	2-:-5	83,9		
	B-3		108,10	1,0	108,10	2-:-5	88,4		
	B-4		107,50	1,0	107,50	2-:-5	88,5		
	B-5		106,80	1,0	106,80	2-:-5	88,6		
	B-6		106,10	1,0	106,10	2-:-5	88,8		
	B-7		105,40	1,0	105,40	2-:-5	88,9		
	B-8		100,20	1,0	100,20	2-:-5	90,0		
	B-9 -:- B-14	5x20	100,00	6,0	600,00	2-:-5	90,0		
	B-15		113,40	1,0	113,40	2-:-5	87,3		
	B-16		117,00	1,0	117,00	2-:-5	86,6		
	B-17		116,20	1,0	116,20	2-:-5	86,8		
	B-18		115,40	1,0	115,40	2-:-5	86,9		
	B-19		114,50	1,0	114,50	2-:-5	87,1		
	B-20		113,70	1,0	113,70	2-:-5	87,3		
	B-21		135,30	1,0	135,30	2-:-5	82,9		
	B-22		129,80	1,0	129,80	2-:-5	84,0		
	B-23 -:- B-28	5x22	110,00	6,0	660,00	2-:-5	88,0		
3	**Đất ở kiểu chia lô C**			**32,0**	**3070,0**	**2-:-5**	**81-:-100**	**1.62-:-5.0**	**3,97**
	C-1		138,70	1,0	138,70	2-:-5	82,3		
	C-2		140,80	1,0	140,80	2-:-5	81,8		
	C-3		137,90	1,0	137,90	2-:-5	82,4		
	C-38		104,60	1,0	104,60	2-:-5	89,1		
	C-39		102,40	1,0	102,40	2-:-5	89,5		
	C-40		100,20	1,0	100,20	2-:-5	90,0		
	C-41		95,40	1,0	95,40	2-:-5	94,6		
	C-42 -:- C-66	5x18	90,00	25,0	2250,00	2-:-5	100,0		
4	**Đất ở kiểu chia lô D**			**36,0**	**4005,7**	**2-:-5**	**86-:-90**	**1.72-:-4.50**	**5,18**
	D-1		108,20	1,0	108,20	2-:-5	88,4		
	D-2		112,10	1,0	112,10	2-:-5	87,6		
	D-3		111,30	1,0	111,30	2-:-5	87,7		
	D-4		110,60	1,0	110,60	2-:-5	87,9		
	D-5		109,70	1,0	109,70	2-:-5	88,1		
	D-6		108,70	1,0	108,70	2-:-5	88,3		
	D-7		107,70	1,0	107,70	2-:-5	88,5		
	D-8		102,30	1,0	102,30	2-:-5	89,5		
	D-9-:-D-18	5x22	110,00	10,0	1100,00	2-:-5	88,0		
	D-19		116,50	1,0	116,50	2-:-5	86,7		
	D-20		120,20	1,0	120,20	2-:-5	86,0		
	D-21		119,30	1,0	119,30	2-:-5	86,1		
	D-22		118,50	1,0	118,50	2-:-5	86,3		
	D-23		117,60	1,0	117,60	2-:-5	86,5		
	D-24		116,70	1,0	116,70	2-:-5	86,7		
	D-25		115,80	1,0	115,80	2-:-5	86,8		
	D-26		110,50	1,0	110,50	2-:-5	87,9		
	D-27-:-D-36	5x22	110,00	10,0	1100,00	2-:-5	88,0		
5	**Đất ở kiểu chia lô G**			**43,0**	**4297,2**	**2-:-5**	**89-:-98**	**1.78-:-4.90**	**5,55**
	G-1		97,00	1,0	97,00	2-:-5	93,0		
	G-2		97,40	1,0	97,40	2-:-5	92,6		
	G-3		95,10	1,0	95,10	2-:-5	94,9		
	G-4		92,90	1,0	92,90	2-:-5	97,1		
	G-48		103,70	1,0	103,70	2-:-5	89,3		
	G-49		101,40	1,0	101,40	2-:-5	89,7		
	G-50		99,10	1,0	99,10	2-:-5	90,2		
	G-51		94,60	1,0	94,60	2-:-5	91,1		
	G-52 -:- G-63	5x20,1	100,50	12,0	1206,00	2-:-5	89,9		
	G-64		100,47	1,0	100,47	2-:-5	89,9		
	G-65		100,45	1,0	100,45	2-:-5	89,9		
	G-66		100,42	1,0	100,42	2-:-5	89,9		
	G-67		100,40	1,0	100,40	2-:-5	89,9		
	G-68		100,37	1,0	100,37	2-:-5	89,9		
	G-69		100,35	1,0	100,35	2-:-5	89,9		
	G-70		100,32	1,0	100,32	2-:-5	89,9		
	G-71		100,30	1,0	100,30	2-:-5	89,9		
	G-72		100,32	1,0	100,32	2-:-5	89,9		
	G-73		100,35	1,0	100,35	2-:-5	89,9		
	G-74		100,37	1,0	100,37	2-:-5	89,9		
	G-75		100,42	1,0	100,42	2-:-5	89,6		
	G-76		100,45	1,0	100,45	2-:-5	89,6		
	G-77		100,47	1,0	100,47	2-:-5	89,9		
	G-78 -:- G-86	5x20,1	100,50	9,0	904,50	2-:-5	89,9		
6	**Đất ở kiểu chia lô K**			**4,0**	**491,2**	**2-:-5**	**84-:-87**	**1.68-:-4.40**	**0,63**
	K-1		126,10	1,0	126,10	2-:-5	84,8		
	K-2		123,90	1,0	123,90	2-:-5	85,2		
	K-3		121,70	1,0	121,70	2-:-5	85,7		
	K-4		119,50	1,0	119,50	2-:-5	86,1		
II	**Đất ở Biệt thự**			**26,0**	**8258,0**	**1-:-3**	**53-:-61**	**0.53-:-1.83**	**10,67**
1	**Đất ở kiểu biệt thự A**			**12,0**	**4004,2**	**1-:-3**	**53-:-60**	**0.53-:-1.80**	**5,18**
	BTA-1		433,20	1,0	433,20	1-:-3	53,3		
	BTA-2 -:- BTA-5	15x20	300,00	4,0	1200,00	1-:-3	60,0		
	BTA-6		392,30	1,0	392,30	1-:-3	55,4		
	BTA-7		356,90	1,0	356,90	1-:-3	57,2		
	BTA-8 -:- BTA-11	15x20	300,00	4,0	1200,00	1-:-3	60,0		
	BTA-12		421,80	1,0	421,80	1-:-3	53,9		
2	**Đất ở kiểu biệt thự B**			**14,0**	**4253,8**	**1-:-3**	**58-:-61**	**0.58-:-1.83**	**5,50**
	BTB-1		311,20	1,0	311,20	1-:-3	59,4		
	BTB-2 -:- BTB-5	15x19.97	299,50	4,0	1198,00	1-:-3	60,1		
	BTB-6		299,30	1,0	299,30	1-:-3	60,1		
	BTB-7		337,80	1,0	337,80	1-:-3	58,1		
	BTB-8		305,80	1,0	305,80	1-:-3	59,7		
	BTB-9 -:- BTB-13	15x20	300,00	5,0	1500,00	1-:-3	60,0		
	BTB-14		301,70	1,0	301,70	1-:-3	59,9		
III	**Đất nhà văn hóa 1 (NVH1)**		**2183,40**		**2183,40**	**1-:-2**	**30-:-40**	**0.3-:-0,8**	**2,82**
IV	**Đất dịch vụ thương mại (TM-DV)**		**8343,60**		**8343,60**	**1-:-3**	**50-:-60**	**0.5-:-1.8**	**10,79**
V	**Đất xây xanh công cộng (CX)**		**6217,90**		**6217,90**				**8,04**
VI	**Đất mặt nước (MN)**		**130,41**		**130,41**				**0,17**
VII	**Đất giao thông nội khu**		**33891,47**		**33891,47**				**43,81**
Tổng diện tích đất quy hoạch					**77360,34**				**100,00**

TỌA ĐỘ MỐC RANH GIỚI NGHIÊN CỨU ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

STT	X	Y
M1	2207528.528	555640.3448
M2	2207532.8645	555512.9666
M3	2207968.7059	555512.9666
M4	2207992.7713	555517.9907
M5	2208006.0881	555525.9627
M6	2208022.2075	555545.5517
M7	2208028.8002	555569.1954
M8	2208028.1367	555677.8969
M9	2208051.2216	555680.5434
M10	2208048.9206	555700.4619

CHÚ THÍCH

- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- NHÀ Ở KIỂU CHIA LÔ
- NHÀ Ở KIỂU BIỆT THỰ
- NHÀ VĂN HOÁ
- CÂY XANH
- LÁT VỈA HÈ
- SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ
- CÂY XANH GIAO THÔNG

TÊN KHU LIÊN KẾ — DIỆN TÍCH LÔ
A: 8 110.00
SỐ THỨ TỰ LÔ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 4141/QĐ-UBND NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN THỌ XUÂN

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 304/TĐ-KTHT NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THỌ XUÂN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 482/TTR-BQLDA NGÀY 16 THÁNG 7 NĂM 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỈ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ MỚI HAI BÊN ĐƯỜNG LÊ HOÀN - XÃ XUÂN LAI - HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

BẢN VẼ: 04/11	GHÉP: A0	TỶ LỆ : 1/500	NGÀY: / /2024
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TRUNG KIÊN		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ VIỆT DŨNG		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN THÀNH LONG		

GIÁM ĐỐC: **KTS. NGUYỄN HOÀI NAM**

ACHITECTURE
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRẦN ANH
ĐC: SỐ 15 - TRẦN CAO VÂN - P. NGỌC TRẠO - TP. THANH HÓA